

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-PT

Ngày 03 - 12 - 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh.

Bà Đinh Thị Mai Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Kiều Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc; Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Giàng A V, địa chỉ: Bản TX, xã TX, tỉnh Sơn La.
(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Giàng A Ch, anh Giàng A S, chị Mùa Thị D. Cùng địa chỉ tại Bản Tà X, xã TX, tỉnh Sơn La. (Đều vắng mặt tại phiên tòa).

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Giàng A Vng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Giàng A V trình bày:

Tháng 02/2021 vợ chồng anh Giàng A S và chị Mùa Thị D có mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Giàng A S và Mùa Thị D đi vay tiền của ông bà V, S tại tiểu khu 1, thị trấn B, huyện Bắc Yên. Sau đó anh S vi phạm

pháp luật bị bắt đi tù nên không có tiền trả nợ để chuộc lại bìa đỏ. Anh Giàng A C và chị Mùa Thị D đã bàn bạc với nhau để vay tiền anh Vg số tiền 62.000.000đ (sáu mươi hai triệu đồng) chia làm hai lần. Lần thứ nhất là 50.000.000 đồng, lần thứ 2 là 12.000.000 đồng để đi trả nợ và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Sau khi lấy được bìa đỏ về anh Ch, chị D thống nhất đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh V giữ, khi nào anh S đi tù về vợ chồng anh S, chị D trả hết số tiền 62.000.000 đồng thì anh V trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh S, chị D. Sau khi trả nợ xong cho ông bà VS, anh C lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về đưa cho anh V cầm như đã thỏa thuận. Do có người nhà làm chứng nên anh V chỉ giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không viết giấy tờ vay tiền. Sau khi anh S ra tù anh S anh Ch, chị D không chịu trả anh V số tiền đã vay mà còn tố cáo anh Vang l trộm bìa đỏ của vợ chồng anh S, chị D ra Công an xã TXù.

Ngày 26/12/2023 anh V được Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên triệu tập để giải quyết vụ việc. Tòa án yêu cầu anh V trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Giàng A S, Mùa Thị D cho vợ chồng anh S, chị D. Đồng thời anh C, anh S, chị D phải trả lại cho anh V số tiền đã vay là 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng) và đình chỉ vụ án. Anh V đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Giàng A S, Mùa Thị D cho vợ chồng anh S, chị D nhưng đến nay anh C, anh S, chị D chưa trả lại cho anh V số tiền đã vay.

Nay anh V yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La giải quyết: Buộc anh Giàng A Ch, anh Giàng A S, chị Mùa Thị D phải trả lại cho anh V số tiền đã vay là 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng).

Bị đơn anh Giàng A C trình bày: Đầu tháng 3 năm 2021 anh C về nước sau khi đi xuất khẩu lao động tại Malaysia và có đi thăm anh Giàng A S; anh S có nhờ anh C đi chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng anh S đã thế chấp để vay tiền tại nhà ông bà V, S. Sau khi về anh C có mang số tiền 30.000.000 đồng ra trả cho ông bà V, S và còn nợ lại 8.249.000 đồng, sau đó một tuần sau anh C có mang số tiền còn nợ xuống trả hết cho ông bà V, S và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng anh S về để ở nhà. Toàn bộ số tiền đi chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng anh S là tiền cá nhân của Ch bỏ ra chứ không phải anh Giàng A V đưa cho anh C vay. Nay anh Giàng A V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh C và anh Giàng A S, chị Mùa Thị D phải trả số tiền 62.000.000 đồng bản thân anh C không nhất trí vì anh C không được vay số tiền nói trên của anh Giàng A V. Nếu anh Giàng A V cố tình yêu cầu anh C trả thì đề nghị anh Giàng A V xuất trình tài liệu chứng cứ vay mượn để chứng minh.

Bị đơn anh Giàng A S, chị Mùa Thị D trình bày: Năm 2020 vợ chồng anh S, chị D làm nhà thiếu tiền nên có mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh S đi vay thế chấp tại nhà ông bà V, S tại tiểu khu 1, thị trấn Bắc Yên để vay số tiền 30.000.000 đồng để trả công thợ làm nhà. Đến tháng 3/2021 bản thân anh S đang chấp hành án tại trại giam Phù Yên thì anh Ch có đến thăm,

anh S có nhờ anh C đi chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại nhà ông bà V, S. Còn số tiền anh Cláy ở đâu đi chuộc thì anh S không biết, anh S chỉ nghe anh C nói là số tiền đó do anh C tự bỏ ra để chuộc chứ không vay của ai. Nay anh Giàng A V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh S và anh Giàng A C, Mùa Thị D phải trả số tiền 62.000.000 đồng bản thân anh S không nhất trí vì anh S không được vay số tiền nói trên của anh Giàng A V. Nếu anh Giàng A V cố tình yêu cầu anh S, chị D trả thì đề nghị anh Giàng A V xuất trình tài liệu chứng cứ vay mượn để chứng minh.

Tại bản tự khai ngày 26/6/2025 và tại phiên tòa người làm chứng chị Thảo Thị T (là vợ anh V) trình bày: Chị Thảo Thị T khẳng định lời khai của anh Giàng A V là đúng vì chị được chứng kiến toàn bộ việc cho vay tiền giữa anh V và anh C, chị D.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự tại phiên tòa ngày 25/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La đã tiến hành xác minh với ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị V cùng trú tại tiểu khu 1, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La. Qua xác minh ông S, bà V cùng cho rằng không biết anh Ch, anh S, chị D có địa chỉ tại bản Tà Xùa, xã Tà Xùa là ai, không có việc ông S, bà V cho vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với anh S, chị D mà do anh S, chị D tự khai như vậy.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS - ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La, quyết định:

Căn cứ các Điều 91, Điều 95, Điều 96, Điều 97, Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 463 và Điều 465 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Giàng A V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Giàng A C, anh Giàng A S, chị Mùa Thị D phải trả cho anh Giàng A V số tiền 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2025 anh Giàng A V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La. Bị đơn không kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của nguyên đơn anh Giàng A V: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa

bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn.

* Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã chấp hành và thực hiện đúng trình tự thủ tục được quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Giàng A Ch, anh Giàng A S, chị Mùa Thị D đều không có kháng cáo bản án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đều vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Giàng A V trong hạn luật định đảm bảo về hình thức, không có căn cứ chấp nhận về nội dung.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Giàng A V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo anh Giàng A V là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, đề nghị miễn án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Giàng A V, buộc bị đơn là anh Giàng A C, anh Giàng A S, chị Mùa Thị D phải trả lại cho anh V số tiền đã vay là 62.000.000đ (sáu mươi hai triệu đồng), các đương sự đều có nơi cư trú tại; Bản TX, xã TX, tỉnh Sơn La (nay là xã TX, tỉnh Sơn La). Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là; Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ, đúng quy định, đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2025 nguyên đơn anh Giàng A V có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Sơn La. Xét thấy nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn thực hiện đúng nội dung, trình tự, trong thời hạn luật định, hợp lệ về hình thức, đúng chủ thể, đảm bảo về thủ tục và nội dung theo

quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Bị đơn anh Giàng A C, anh Giàng A S, chị Mùa Thị D đều không có kháng cáo bản án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đều vắng mặt Tòa án tiến hành xét xử vụ án, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn anh Giàng A V, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Nguyên đơn anh Giàng A V cho rằng anh có cho anh C, anh S, chị D vay tiền 02 lần, lần thứ nhất là 50.000.000 đồng, lần thứ 2 là 12.000.000 đồng, tổng số tiền 62.000.000 đồng để anh C chị D đi chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp của anh S và chị D. Do là anh em ruột nên khi vay tiền, hai bên không xác lập hợp đồng, giấy tờ gì với nhau, chỉ giao dịch vay tiền bằng miệng, không nhớ ngày tháng.

Tuy nhiên, phía bị đơn anh Giàng A Ch, anh Giàng A S, chị Mùa Thị D đều khẳng định không được vay anh Giàng A V số tiền 62.000.000 đồng. Khi anh S và chị D lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi vay tiền của ông bà V S, số tiền vay nợ là 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 8.249.000 đồng, tổng số tiền vay nợ là 38.249.000 đồng. Anh Giàng A C đã tự lấy tiền cá nhân số tiền 38.249.000 đồng để đi trả nợ cho ông S, bà V và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để ở nhà anh V, anh V đã tự ý lấy mang đi bán 01 thửa đất cho người khác nên anh S đã khởi kiện yêu cầu anh V phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Giàng A S, Mùa Thị D và anh V đã trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh S, chị D.

Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La đã nhiều lần thông báo, yêu cầu anh Giàng A V bổ sung tài liệu, chứng cứ về số tiền cho vay nhưng anh V vẫn không thực hiện được. Ngoài ra, phía bị đơn gồm anh Giàng A Ch, anh Giàng A S, chị Mùa Thị D đều không thừa nhận có việc vay số tiền 62.000.000 đồng như anh Giàng A V trình bày. Lời khai của người làm chứng là chị Thào Thị T cũng như lời khai của ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị V không có căn cứ chứng minh cho nội dung khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Giàng A V là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Xét thấy, việc nguyên đơn cho rằng giữa các bên có quan hệ vay tiền chỉ dựa trên thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản, ngoài lời khai của nguyên đơn anh Giàng A V ra không có tài liệu nào khác chứng minh. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Từ những nhận định nêu trên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Giàng A V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

[3] Về án phí: Anh Giàng A V là là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Giàng A V.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS - ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Giàng A V được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (03/12/2025).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND khu vực 5 - Sơn La;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Sơn La;
- Dương sự;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mai Lan

Phạm Tuấn Minh

Đỗ Tuấn Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

Lại Thị Hiếu

Đieu Thị Kim Liên